

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T1  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HS-ST  
Ngày 09/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ngọc Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Hiếu.

Bà Trần Thị Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T tham gia phiên tòa:** Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2019/HSST ngày 11/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Trần Hải S1, sinh năm 1976, tại xã ĐT, huyện T1, tỉnh T. Nơi cư trú: thôn MĐ, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hải Y (đã chết) và bà Trần Thị T2; bị cáo có vợ là Vũ Thị Hải E và 03 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: 01, Bản án số 71/2019/HSST ngày 30/10/2019 Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt Trần Hải S1 03 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa chấp hành án phạt tù; tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 7/2009 và tháng 4/2011 bị Công an huyện T1 xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Ngày 29/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt 02 năm tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Bản án số 05/2013/HSST, bản án này bị cáo đã được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/6/2020, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn B1, sinh năm 1978, tại xã ĐT, huyện T1, tỉnh T. Nơi cư trú: thôn MĐ, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hải Y (đã chết) và bà Trần Thị T2; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: 01, ngày 03/9/2019 bị Công an huyện T1 xử phạt hành chính 1.500.000đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; nhân thân: Ngày 31/3/2009 bị Công an huyện T1 xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1988, trú tại số nhà 35, Phố TXS, Tổ dân phố số 02, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T (*vắng mặt*).

**- Người làm chứng:**

Chị Tô Thị H, sinh năm 1989, trú tại thôn TN, xã AN, huyện T1, tỉnh T (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09h ngày 24/5/2020, Trần Hải S1 điều khiển xe mô tô BKS: 17F3 - 1575 đến rủ em trai là Trần Văn B1 đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân. B1 đồng ý, S1 điều khiển xe chở B1 đi qua các xã ĐT, TN, thị trấn T1. Khi đến phố TXS thuộc địa phận tổ dân phố số 2, thị trấn T1, huyện T1 phát hiện tại khu vực đỗ xe của Nhà hàng Dê 35 do chị Nguyễn Thị Ph làm chủ, có 01 lồng gà bên trong có 05 con gà đồi, mỗi con nặng 1,5 kg. Quan sát thấy không có người trông coi, S1 dừng xe cách vị trí chiếc lồng gà khoảng 4- 5 m để cảnh giới còn B1 xuống bê chiếc lồng gà lên ngồi phía sau xe. S1 điều khiển xe chở B1 đến chợ TH, thị trấn T1, huyện T1 bán lồng gà bên trong có 05 con gà cho 01 người phụ nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ với giá 300.000 đồng. Số tiền này S1 và B1 chia nhau mỗi người 150.000 đồng sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1 kết luận: 05 con gà đồi, trọng lượng 1,5 kg/con có giá: 675.000 đồng, 01 lồng thép kích thước 100 x 50 x 60 cm có giá trị là: 70.000 đồng. Tổng trị giá tài sản cần định giá là: 745.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKSTH ngày 10/8/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T quyết định truy tố Trần Hải S1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố Trần Văn B1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Hải S1, Trần Văn B1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trần Hải S1 từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, tổng hợp hình phạt với Bản án số 71/2019/HSST ngày 30/10/2019 Tòa án nhân dân huyện T1. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn B1 từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Trần Hải S1, Trần Văn B1 đều khai nhận, khoảng 09h ngày 24/5/2020, lợi dụng sơ hở trong quản lý, trông coi tài sản, bị cáo cùng em trai là Trần Văn B1 đã có hành vi trộm cắp 05 con gà đồi, trọng lượng 1,5 kg/con, có tổng giá trị là: 675.000 đồng, 01 lồng thép kích thước 100 x 50 x 60 cm có giá trị là: 70.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 745.000 đồng của chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1988, trú tại số nhà 35, Phố TXS, Tổ dân phố số 02, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T (chủ nhà hàng Dê 35) mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Lời khai nhận tội của các bị cáo S1 và B1 phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là chị Nguyễn Thị Ph; lời khai của người làm chứng là chị Tô Thị H; Sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T1 lập ngày 29/5/2020 tại gia đình chị Nguyễn Thị Ph; Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 93/QĐ-XPHC ngày 03/9/2019 của Công an huyện T1 và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, trong ngày 24/5/2020, bị cáo S1 cùng em trai của mình là Trần Văn B1 đã có hành vi trộm cắp của chị Nguyễn Thị Ph 05 con gà đồi và 01 lồng thép có tổng trị giá tài sản là 745.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân Huyện T1, tỉnh T quyết định truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

### **Điều 173. Tội trộm cắp tài sản**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

*b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Hải S1, Trần Văn B1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho nhân dân. Các bị cáo đã trưởng thành về mọi mặt, bị cáo S1 đã bị Công an huyện T1 xử phạt vi phạm hành chính 02 lần về hành vi đánh bạc (Tháng 7/2009 và tháng 4/2011); đã bị xử phạt tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Bản án số 71/2019/HSST ngày 30/10/2019 Tòa án nhân dân huyện T1 xử phạt Trần Hải S1 03 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chưa chấp hành án phạt tù nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, tiếp tục phạm tội. Bị cáo B1 đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, tuy nhiên vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra để giáo dục riêng với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên bị cáo S1 là người chủ động, trực tiếp đến rủ rê bị cáo B1 đi trộm cắp tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo B1.

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, tự nguyện bồi thường thiệt hại, người bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, có bố đẻ là thương binh đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định của Bộ luật hình sự. Về hình phạt bổ sung, xét thấy các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 17F3-xyz, đăng ký xe mang tên Trần Duy Ch, số máy xxx, số khung yyy, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của ông Trần Hải Y (đã chết), là bố đẻ của các bị cáo, ông Y mua lại của anh Trần Duy Ch, địa chỉ tại Tỉnh đội T; chiếc xe hiện do bà Trần Thị T2 là vợ ông Y và là mẹ đẻ các bị cáo quản lý; việc S1, B1 sử dụng chiếc xe trên đi trộm cắp tài sản bà T2 không biết nên Cơ quan điều tra không quản lý chiếc xe trên mà giao lại chiếc xe cho bà T2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị Ph đã nhận lại số tiền mà gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường thay cho các bị cáo và không yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Trần Hải S1, Trần Văn B1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

**2. Xử phạt:**

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 55; Khoản 2 Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trần Hải S1 12 (mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HSST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T; bị cáo S1 phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn B1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

**3. Về trách nhiệm dân sự:**

Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:**

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Trần Hải S1, Trần Văn B1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:**

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 09 tháng 9 năm 2020; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- VKSND Huyện T1;
- Công an Huyện T1;
- Chi cục THADS Huyện T1;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đồng Ngọc Huyền**